



PIONEER SHIPBROKERS CO., LTD.

(A MEMBER OF THE VIETNAM SHIPOWNER'S ASSOCIATION)

SHIP SALE & PURCHASE – CHARTERING

No.13, Ngan Long villas, Nguyen Huu Tho Street, Nha Be District, HCMC

Tel: 028-38817289

www.pioneershipbrokers.com.vn

Nhằm phục vụ nhu cầu của khách hàng và cập nhật thông tin thị trường ngày càng tốt hơn, công ty môi giới hàng hải Tiên Phong (Pioneer Shipbrokers) giới thiệu đến quý khách hàng ứng dụng **Pioneer Shipbrokers** có trên iOS và Android, công cụ hữu ích cho khách hàng quan tâm lĩnh vực mua bán tàu biển và thông tin thị trường

TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

TUẦN 16/2025

(15/04/2025 – 21/04/2025)

1. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÃ QUA SỬ DỤNG:

Thị trường tuần qua khá yên ắng vì lễ Phục Sinh do nhiều quốc gia đóng cửa giao dịch trong khoảng thời gian từ ngày 18/4 đến hết ngày 20-21/4 như Hy Lạp, Hong Kong, Singapore... Mới đây, trong đề xuất 42 trang về việc áp dụng phí cảng Mỹ của Cơ quan Đại diện Thương mại Hoa Kỳ (USTR) có thể được tóm tắt như sau:

(Chú thích: đây là bảng tóm lược sơ bộ, đã lược bỏ nhiều thông tin)

Đối tượng bị áp phí (một tàu chỉ bị áp phí tối đa 5 lần/năm)	Mức phí khi bắt đầu có hiệu lực (đô la Mỹ/tấn rỗng)	Mức phí này sẽ tăng hằng năm, đến năm 2028 sẽ cao nhất (đô la Mỹ/tấn rỗng)	Thời gian hiệu lực
Các tàu do chủ tàu Trung Quốc sở hữu và vận hành	50	140	Kể từ tháng 10/2025
Các tàu do Trung Quốc đóng (bất kể quyền sở hữu và vận hành của quốc gia nào)	18	33	Kể từ tháng 10/2025
Một số trường hợp được ưu đãi/miễn trừ			
* Các đối tượng được ưu đãi: Khi đặt tàu đóng mới tại Mỹ thì các chủ tàu/công ty khai thác có thể được miễn phí cảng trong vòng 3 năm. v/v...			
* Các đối tượng được miễn trừ: (1) các tàu chạy dần/rỗng đến cảng Mỹ để chở một số mặt hàng ngũ cốc xuất khẩu (2) tàu được thiết kế chuyên dụng “Lakers” mẫu CBP 1300, (3) các tàu thuộc quyền sở hữu của chủ tàu Mỹ hoặc chạy nội địa/vùng lãnh thổ của Mỹ hoặc tuyến Caribbean, v/v...			

Chính sách này đã lùi bước, “dễ chấp nhận hơn” nhưng vẫn đảm bảo nỗ lực phục hồi ngành đóng tàu Mỹ và giảm bớt phụ thuộc và sự thống trị của tàu Trung Quốc. Dựa trên dữ liệu hiện hành của các cảng Mỹ, nếu tham chiếu theo đề xuất này sẽ có khoảng 10% số lượng tàu khô và 5% tàu dầu bị ảnh hưởng khi ghé cảng Mỹ. Tuy nhiên, đề xuất này chỉ được cập nhật đến thời điểm báo cáo, nội dung ngôn từ còn mơ hồ và trên thực tế có thể bị sửa đổi bất kỳ lúc nào.

Ở mảng tàu hàng khô, các chỉ số đã ngưng cập nhật từ ngày 17/4 do lễ Phục sinh cho đến ngày 22/4 vừa rồi. Các chỉ số thị trường ngày 22/4 so với ngày 15/4 như sau: chỉ số BDI gần như không thay đổi, chỉ giảm nhẹ 13 điểm. Sau kỳ nghỉ lễ, cước và chỉ số thuê tàu giảm nhẹ nhàng, cụ thể: Capesize giảm 142 điểm (↓5,4%) còn 1.661 điểm còn Panamx tăng 106 điểm (↑6,9%) lên 1.292 điểm, Supramax cũng tăng 15 điểm (↑1,8%)

lên 954 điểm và Handysize giảm 16 điểm (↓1,7%) còn 566 điểm. Tâm lý các nhà đầu tư nhìn chung vẫn thận trọng trong bối cảnh trở ngại kinh tế và bất ổn địa chính trị gia tăng. Hoạt động mua bán tàu tuần qua chững lại, chỉ ghi nhận các giao dịch tàu từ cỡ Panamax trở xuống. Ở phân khúc Supramax, ghi nhận tàu **River Pearl** (52.223 dwt, đóng 2008 Nhật, DD/SS 01/2027) được chốt với giá khoảng 12,25 triệu đô la Mỹ. Mức này khá tốt cho chủ tàu do size này nhỏ.

Ở mảng tàu dầu/hóa chất tuần qua, sau kỳ nghỉ lễ chỉ số BDTI (Baltic Dirty Tanker Index) giữ vững không thay đổi (hiện ở mức 1.138 điểm). Còn chỉ số BCTI (Baltic Clean Tanker Index) ghi nhận giảm 31 điểm (↓4,5%) còn 656 điểm. Hoạt động thuê tàu tuần qua khá ỉ ạch do ngày lễ kéo dài. Trong khi cước thuê tàu chở thành phẩm/hóa chất khá âm đậm thì cước thuê tàu chở dầu thô phần nào khởi sắc hơn trước những động thái “xoa dịu dư luận” mới nhất của Mỹ. Tổng thống Mỹ Donald Trump cũng ám chỉ sẽ cố gắng giảm mức thuế quan đáng kể đối với Trung Quốc. Bất chấp việc hai cường quốc Mỹ-Trung Quốc chưa chính thức khởi động đàm phán, tâm lý thị trường phần nào phản ứng tích cực trở lại. Dù có sự gia tăng ngắn hạn, song nhìn chung vẫn đang theo hướng tiêu cực. Tuần qua mảng mua bán tàu không có gì đặc sắc.

Bảng ghi nhận các giao dịch mua bán tàu đã qua sử dụng trong tuần qua:

Name	Blt Year	Blt Place	Dwt	Price M.USD	Buyers	Comment
BULKERS / GENERAL CARGO CARRIERS						
Seaduty	2008	Japan	82,449	14.25	Greek	DD 11/2025, SS 04/2026
Sea Pluto	2013	China	81,007	16.50	Undisclosed	DD 11/2026, SS 11/2028
Evangelia	2000	Japan	74,381	4.70	Chinese	DD/SS due 05/2025
Nord Mamore	2020	Japan	64,050	30.60	Undisclosed	Scrubber fitted, DD 12/2027, SS 03/2030
Vantage Lady	2015	China	63,194	20.00	Undisclosed	Incl the balance of TC at USD 10,35k/pd until end 2026, DD/SS 11/2025
El Comino	2012	Japan	61,465	19.50	Chinese	DD due 09/2025, SS 08/2027
Nord Kitan	2017	Japan	60,195	25.50	Greek	DD/SS 01/2027
River Pearl	2008	Japan	52,223	12.25	Undisclosed	OHBS, DD/SS 11/2025
NB Jiangsu Dajin DJHC6115	2025	China	40,400	29.50	Chinese	
NB Jiangsu Dajin DJHC6116	2025	China	40,400	29.50		
Nord Abidjan	2020	Japan	37,979	25.50	Undisclosed	OHBS, DD 02/2028, SS 01/2030, Danish owners
TANKERS						
MD Miranda	1999	Korea	46,408	8.30	Undisclosed	DD 01/2028, SS 10/2029
Golden Daisy	2021	Japan	34,810	30.20	Hk-based, Sea Kpital	Chemical IMO II, epoxy phenolic coated, shallow drafted 9m, DD/SS 12/2026

CONTAINERS						
Northern Jamboree	2010	Korea	108,827	75.00	MSC	8814 teu, ice class II, DD/SS due 07/2025
Northern Jubilee	2009	Korea	108,770	75.00		8814 teu, ice class II, DD 12/2027, SS 09/2029
Northern Javelin	2009	Korea	108,677	75.00		8814 teu, ice class II, DD 09/2027, SS 07/2029

Bảng minh họa giá trị tàu đã qua sử dụng cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật:

Giá trị tàu hàng khô (đv: triệu đô la Mỹ)		% thay đổi theo (M (month) = tháng)					TB 5 năm
		03/2025	1M	3M	6M	12M	
CAPESIZE							
180k dwt	Resale	76.00	1%	1%	-1%	1%	60.00
180k dwt	5 tuổi	63.00	2%	2%	-2%	2%	44.00
170k dwt	10 tuổi	45.00	5%	5%	0%	6%	30.75
150k dwt	15 tuổi	28.50	9%	8%	0%	0%	19.50
PANAMAX							
82k dwt	Resale	38.00	1%	-4%	-8%	-10%	36.75
82k dwt	5 tuổi	32.50	2%	-4%	-12%	-12%	30.25
76k dwt	10 tuổi	25.00	2%	2%	-6%	-12%	21.00
74k dwt	15 tuổi	15.75	11%	3%	-10%	-17%	14.00
SUPRAMAX							
62k dwt	Resale	38.00	3%	-3%	-8%	-7%	34.75
58k dwt	5 tuổi	31.50	3%	-3%	-13%	-7%	25.75
56k dwt	10 tuổi	23.50	7%	1%	-6%	-11%	18.75
52k dwt	15 tuổi	15.25	7%	3%	-5%	-2%	12.75
HANDYSIZE							
37k dwt	Resale	33.00	0%	-4%	-3%	-3%	28.75
37k dwt	5 tuổi	25.50	0%	-3%	-7%	-7%	22.75
32k dwt	10 tuổi	17.75	4%	-7%	-13%	-11%	15.00
28k dwt	15 tuổi	12.00	9%	0%	-4%	-4%	9.50

Giá trị tàu dầu/hóa chất (đv: triệu đô la Mỹ)		% thay đổi theo (M (month) = tháng)					TB 5 năm
		03/2025	1M	3M	6M	12M	
VLCC							
310k dwt	Resale	144.00	-1%	-3%	-3%	1%	112.75
310k dwt	5 tuổi	112.00	0%	-2%	-3%	0%	85.75
250k dwt	10 tuổi	83.00	0%	-2%	-3%	-2%	61.00
250k dwt	15 tuổi	53.00	0%	-2%	-9%	-7%	43.75
SUEZMAX							
160k dwt	Resale	94.00	0%	-3%	-5%	-5%	77.75
150k dwt	5 tuổi	77.00	4%	0%	-6%	-7%	60.00
150k dwt	10 tuổi	62.00	7%	3%	-7%	-8%	44.75
150k dwt	15 tuổi	41.00	0%	-9%	-13%	-11%	28.75
AFRAMAX							
110k dwt	Resale	75.00	0%	-9%	-12%	-10%	65.00
110k dwt	5 tuổi	62.50	0%	-7%	-14%	-13%	51.00
105k dwt	10 tuổi	50.00	0%	-4%	-15%	-13%	37.75
105k dwt	15 tuổi	34.00	0%	-8%	-17%	-13%	25.00
MR							
52k dwt	Resale	51.00	-2%	-4%	-14%	-7%	44.25
52k dwt	5 tuổi	41.00	0%	-2%	-16%	-10%	35.25
45k dwt	10 tuổi	31.00	0%	-3%	-23%	-17%	25.50
45k dwt	15 tuổi	21.00	-2%	-2%	-24%	-21%	17.00

2. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÓNG MỚI:

Type	Size	Price (m.usd)	Qty	Yard	Owners	Delivery	Comments
LPG	45,000 cbm	81.00	2	Hyundai Mipo	Empresas Nieto, Mexico	Q2 & Q3/2027	Price per unit

Bảng minh họa giá tàu đóng mới cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật)

Giá trị tàu hàng khô đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)		% thay đổi theo (M (month) = tháng)				
		03/2025	1M	3M	6M	12M
Capesize (180.000 dwt)	74.0	0.00%	-2.63%	-3.27%	8.03%	
Panamax (77.000 dwt)	37.0	0.00%	-1.33%	-1.33%	-1.33%	
Supramax (61.000 dwt)	34.5	0.00%	-0.72%	-1.43%	1.43%	
Handysize (37.000 dwt)	30.5	0.00%	-10.29%	-11.59%	-10.29%	
Giá trị tàu dầu/hóa chất đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)		% thay đổi theo (M (month) = tháng)				
		03/2025	1M	3M	6M	12M
VLCC (300.000 dwt)	125.5	-0.79%	-3.10%	-3.10%	-2.72%	
Suezmax (170.000 dwt)	88.0	-0.57%	-2.78%	-2.78%	1.74%	
A.max (115.000 dwt)	74.5	-0.67%	-1.33%	-1.33%	6.47%	
MR (56.000 dwt)	51.0	-4.81%	-4.81%	-4.81%	3.13%	

3. THỊ TRƯỜNG THUÊ TÀU

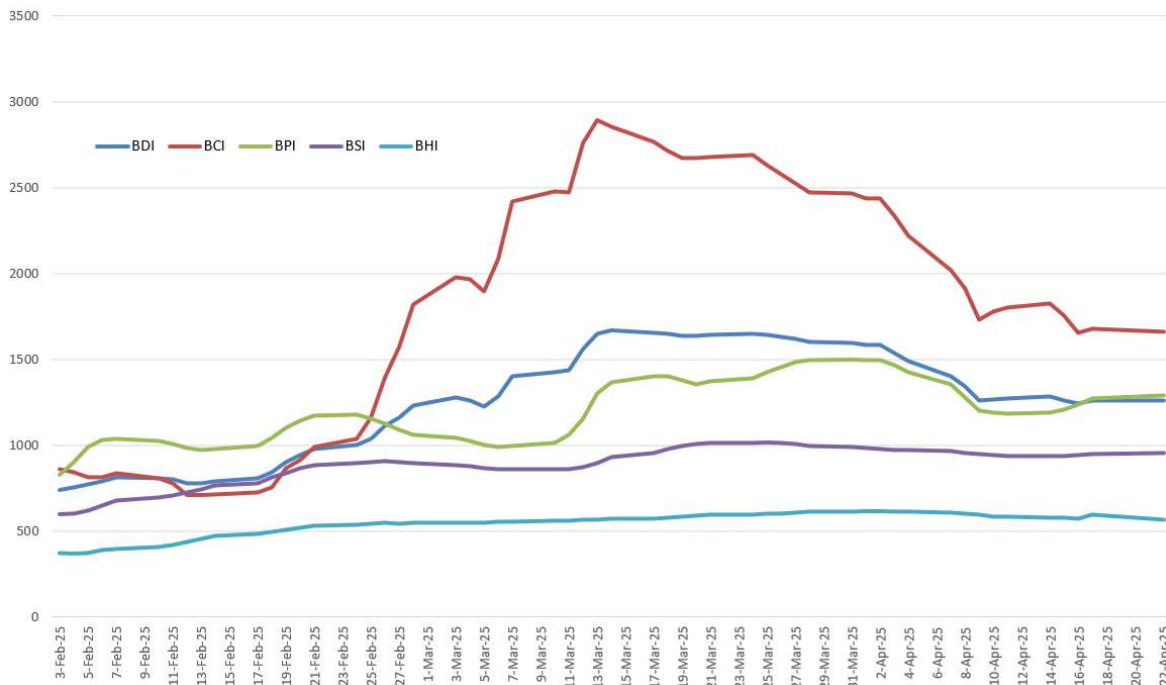
3.1. Thị trường thuê tàu hàng khô:

GIÁ THUÊ T/C TRUNG BÌNH TÀU HÀNG KHÔ THAM KHẢO NGÀY 22/04/2025

	US\$/ngày	▲/▼	
SUPRAMAX	9,972	▲	135
HANDIES 38K	10,236	▼	249

(so sánh với giá trị ngày 14/04/2025)

CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU HÀNG KHÔ



3.2. Thị trường thuê tàu dầu/hóa chất:

Tại thời điểm báo cáo, giá dầu Brent ở mức 67,04 đô la Mỹ/thùng, tăng 1,16% (tương đương tăng 0,77 đô la Mỹ/thùng) so với phiên giao dịch trước đó và giá dầu WTI ở mức 64,11 đô la Mỹ/thùng, tăng 1,63% (tương đương tăng 1,03 đô la Mỹ/thùng). Ghi nhận giá dầu Brent và WTI đã giảm hơn 2% khi Mỹ và Iran đạt được tiến triển trong các cuộc đàm phán về chương trình hạt nhân của Iran.

Ngày 22/4, Mỹ đã ban hành lệnh trừng phạt mới nhằm vào ông trùm vận chuyển dầu thô và khí dầu mỏ hóa lỏng của Iran. Các chuyên gia cho biết, mặc dù các cuộc đàm phán với Mỹ đã đạt được tiến triển, việc không đạt được thỏa thuận có thể ảnh hưởng nặng nề đến hoạt động xuất khẩu dầu của Iran trong bối cảnh lệnh trừng phạt của Mỹ ngày càng thắt chặt. Đồng thời, căng thẳng giữa Washington với Bắc Kinh và thuế quan đối với hầu hết các đối tác thương mại của Mỹ đã gây sức ép lên giá dầu trong những tuần gần đây khi các nhà đầu tư bày tỏ lo ngại về khả năng suy thoái kinh tế toàn cầu có thể làm xói mòn nghiêm trọng nhu cầu dầu.

3.2.1 Phân khúc tàu chở dầu thô

Phân khúc tàu VLCC

Thị trường tàu VLCC tại khu vực Trung Đông tiếp tục xu hướng trầm lắng với nguyên nhân chủ yếu là do nhu cầu hạn chế kéo dài trong tuần vừa qua. Tuy nhiên, các chủ tàu cũng đang cố gắng đàm phán cước ở mức ổn định với ghi nhận cước tăng khoảng 11.000 đô la Mỹ/ngày so với tuần trước đó. Bên cạnh đó, xu hướng ảm đạm cũng bao trùm lên cả khu vực USG, kết thúc tuần với một số ít các giao dịch được ghi nhận. Dự kiến rằng khối lượng hàng hóa vào cuối tháng 4 sẽ không đạt được như kỳ vọng, dẫn đến việc nhiều tàu dư thừa có khả năng sẽ di chuyển sang khu vực khác vào tháng 5.

Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước
Trung Đông/ Trung Quốc	35.106	47.550	↑
USG/Trung Quốc	45.462	43.998	↓

Phân khúc tàu Suezmax

Theo ghi nhận, cước tàu Suezmax tại thị trường Tây Phi hiện có một tuần khá tích cực. Xu hướng khởi sắc này chủ yếu là đến từ việc nối lại hoạt động xuất khẩu từ khu vực CPC, khiến số lượng tàu dư thừa tại châu Âu và Địa Trung Hải đã giảm đi đáng kể. Hiện ứng này đang lan tỏa trên khắp thị trường Tây Phi.

Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước
Tây Phi / Cont	47.705	51.990	↑
Guyana / UKC	46.936	51.500	↑

Phân khúc tàu Aframax

Theo đánh giá, phân khúc Aframax trải qua một tuần khá trầm lắng. Tuy nhiên, các thị trường ở phía Tây kênh đào Suez chứng kiến mức tăng mạnh, kết thúc tuần với mức cước cao hơn đáng kể, hưởng lợi từ nhu cầu tăng vọt tại khu vực này, đặc biệt song hành với xu hướng tích cực của phân khúc Suezmax.

Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước
UKC / UKC	52.590	52.967	↑
Med / Med	54.296	67.880	↑
USG / Cont	52.162	52.810	↑
EC Mex / USG	64.203	65.397	↑

3.2.2 Phân khúc tàu chở dầu thành phẩm/ hóa chất:

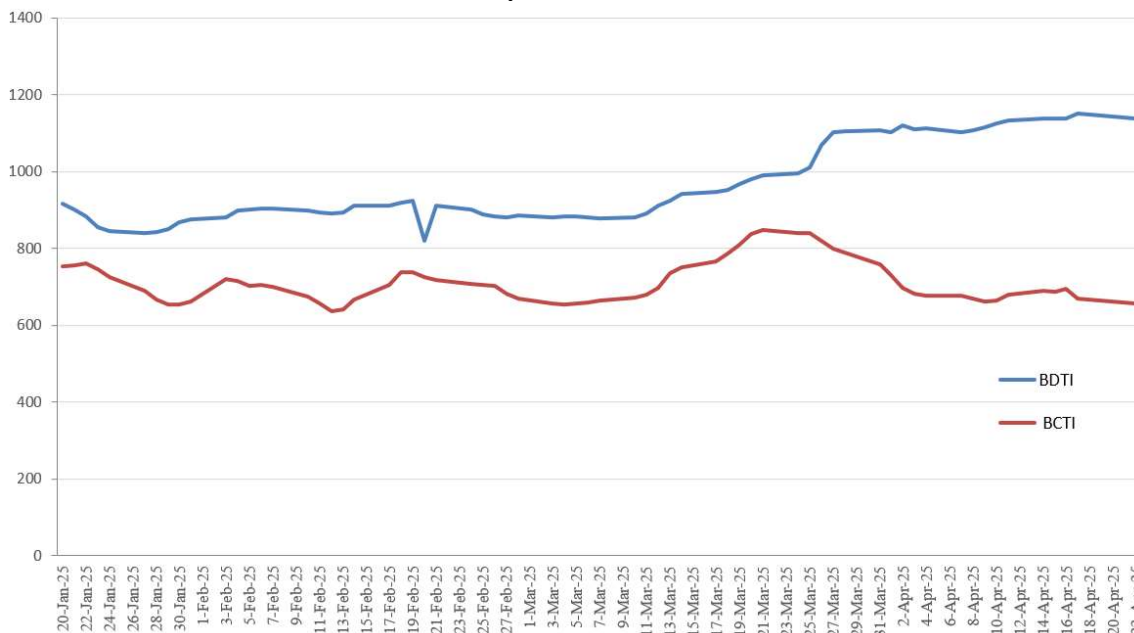
Đối với phân khúc **tàu MR-Handy**: Thị trường tàu MR tại khu vực Viễn Đông đã trải qua một tuần vô cùng ảm đạm, cước vẫn tiếp tục chịu áp lực giảm. Nguyên nhân chủ yếu là do số lượng tàu dư thừa trong khu vực vẫn cao trong bối cảnh mà nhu cầu yếu kém kéo dài. Ghi nhận, cước từ Yeosu, Hàn Quốc đi Bontaby Bay, Úc đang được ký kết quanh mức 23.500 đô la Mỹ/ngày. Theo đánh giá, khi nguồn số lượng tàu dư thừa tiếp tục tăng trong khu vực, triển vọng thị trường sẽ tiếp tục xu hướng tiêu cực. Tại khu vực Đại Tây Dương, ghi nhận cước trên tuyến Rotterdam đi New York đang được ký kết quanh mức 23.790 đô la Mỹ/ngày. Đối với chiều ngược lại từ khu vực USG đi Continent, cước ghi nhận ở mức 11.920 đô la Mỹ/ngày – giảm khoảng 1.000 đô la Mỹ/ngày so với tuần trước đó.

Phân khúc tàu dầu/hóa chất nhỏ: Các giao dịch đi khu vực phía Bắc vẫn tiếp tục xu hướng trầm lắng kéo dài và dự kiến sẽ tiếp tục ảm đạm trong 2 đến 3 tuần tới. Theo đánh giá, nhu cầu hiện tại vẫn yếu kém với số lượng hàng hóa giao dịch giảm rõ rệt, ngoại trừ các lô hàng PX từ 12.000 – 18.000 tấn của Hengyi, xuất phát từ Muara đến Trung Quốc và của Petronas từ Kerteh. Nguồn cung tàu tại khu vực Đông Nam Á vẫn cao điều này tiếp tục gây áp lực giảm lên cước. Đối với các giao dịch đi hướng phía Nam, xu hướng có phần ổn định hơn, với các lô hàng MTBE/MEAC khoảng 10.000 – 12.000 tấn từ phía Bắc Trung Quốc, dự kiến sẽ được xếp hàng vào nửa cuối tháng 5 và với cước không nhiều biến động. Thị trường dầu cò hiện đang có dấu hiệu chững lại rõ rệt, do nhu cầu từ Ấn Độ và Trung Quốc đều đang rất hạn chế, điều này khiến cước tiếp tục ở mức thấp. Đơn cử, các lô hàng 10.000 – 12.000 tấn đi ECI được ký kết ở mức 24 – 25 đô la Mỹ/tấn và trong khi các lô hàng lớn hơn 15.000 – 18.000 tấn đi WCI/Pakistan đang được chốt ở mức 28 – 29 đô la Mỹ/tấn.

Bảng minh họa giá thuê tàu định hạn cập nhật theo số liệu gần nhất (US\$/ngày):

	Giá thuê tàu định hạn tuần 16/2025			Giá thuê tàu định hạn tuần 15/2025		
	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM
VLCC	49,500	47,500	46,000	50,000	48,000	46,000
SUEZMAX	34,000	33,000	33,000	34,500	33,000	33,000
AFRAMAX	29,000	28,500	27,000	29,500	29,000	27,500
LR-2	28,000	27,000	26,000	28,500	27,500	26,000
LR-1	23,000	22,000	21,000	23,000	22,000	21,500
MR	20,500	19,500	18,000	20,000	19,000	18,000
HANDY	18,500	18,000	17,000	18,000	17,000	16,000

CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU DẦU



4. THỊ TRƯỜNG TÀU PHÁ DỠ:

GIÁ PHÁ DỠ THAM KHẢO

(dành cho tàu có lt > 5.000)

STT	Giao tại	Tàu hàng rời		Tàu dầu		Tàu container	
		US\$	▼/▲	US\$	▼/▲	US\$	▼/▲
1	Pakistan	445		465	▼	475	▼
2	Bangladesh	450	▼	470	▼	480	▼
3	India	440		460		470	
4	Turkey	280		290		300	

(đơn vị tính: usd/lt ldt. 1 lt = 1.017 mt ldt)

MỘT SỐ TÀU PHÁ DỠ GHI NHẬN TRONG TUẦN 16/2025

Name	Type	Blt year	LDT	Demolition place	Price (US\$/lt)	Dwt	Comments
King Hung No.2	Tanker	1981	947	Bangladesh	440.00	2,259	
Sea Dove	Bulker	1987	7,793	India	450.00	36,639	The price is net price with comms for Sellers' account.
Heung-A Ulsan	Container	1996	2,206	-	445.00	7,040	Incl abt 150t bunkers, as is Singapore
Jarucha 6	Tweendecker	2006	975	Bangladesh	430.00	3,060	
Mody Drea	Ferry	1975	12,809	Turkey	-	3,335	

CÔNG TY MÔI GIỚI TÀU BIỂN TIỀN PHONG

PIONEER SHIPBROKERS

MUA – BÁN – THUÊ TÀU

Email: snp@pioneershipbrokers.com.vn

Các thông tin trên được chúng tôi tập hợp từ các nguồn thông tin khác nhau và chỉ mang tính tham khảo.
Chúng tôi không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào liên quan đến tính chính xác của các thông tin trên.